TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 237/2019/DS-PT
Ngày: 25-7-2019
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Phương.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Ngọc Giao.

Bà Nguyễn Thị Vĩnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Hương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Nguyễn Văn Tón – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 27/6/2019, ngày 25/7/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 213/2019/TLPT-DS, ngày 27 tháng 3 năm 2019, về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 41/2018/DS-ST ngày 21/11/2018 của Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 227A/2019/QĐ-PT, ngày 27 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Tống Thanh S, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Khóm V, phường N, thành phố Châu Đ, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn:

2.1. Anh Tống Nhựt T, sinh năm 1992;

2.2. Anh Tống Minh Tr, sinh năm 1999;

Cùng địa chỉ: ấp 4, xã Thường P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị Thanh I, sinh năm 1973;

3.2. Anh Tống Đăng K, sinh năm 2006;

Người đại diện theo pháp luật của anh K là bà Nguyễn Thị Thanh I, sinh năm 1973;

Cùng địa chỉ: Khóm V, phường N, thành phố Châu Đ, tỉnh An Giang

3.3. Bà Phạm Thị L, sinh năm 1941;

3.4. Bà Tống Thị Ngọc H1, sinh năm 1963;

Cùng địa chỉ: Ấp 5, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

3.5. Bà Tống Thị Ngọc D, sinh năm 1961;

Địa chỉ: Khóm 5, phường 3, thành phố C1, tỉnh Đồng Tháp.

3.6. Bà Tống Thị L1, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Ấp 6A, xã K, huyện M, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà D và bà L1 là ông Tống Văn G, sinh năm 1967; địa chỉ: ấp 4, xã Thường P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

3.7. Ông Tống Văn G, sinh năm 1967;

3.8. Ông Tống Văn L2, sinh năm 1969;

3.9. Bà Tống Thị Thanh T1, sinh năm 1979;

3.10. Ông Tống Văn Q, sinh năm 1982;

3.11. Bà Phạm Thị P1, sinh năm 1969;

Cùng địa chỉ: ấp 4, xã Thường P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

3.12. Ủy ban nhân dân huyện H.

Người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Văn O – Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H.

Địa chỉ: Ấp Thượng 2, xã A, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Ông Tống Thanh S là nguyên đơn và bà Nguyễn Thị Thanh I là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

(Ông S, anh T, bà I, ông G, bà P1 có mặt tại phiên tòa, các đương sự còn lại vắng mặt tại phiên tòa, riêng Ủy ban nhân dân huyện H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Tống Thanh S trình bày:

Ông S có phần đất tại ấp 4, xã Thường P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, diện tích 545m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ CH02040, do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 21/01/2015. Nguồn gốc đất của ông Tống Văn H2 là cha của ông S cho. Ngày 22/5/2017, ông S phát hiện anh Tống Nhựt T, anh Tống Minh Tr xây nhà giữa đất, ông S ngăn chặn nhưng cả hai cũng ráo riết xây dựng, ông S làm đơn đến Ủy ban nhân dân xã Thường P nhiều lần buộc ngưng xây dựng anh T, anh Tr vẫn xây dựng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông S.

Nay ông S yêu cầu anh T, anh Tr tháo dỡ di dời nhà và tất cả vật kiến trúc khác ra khỏi đất trả lại diện tích 545m^2, thửa đất số 188, tờ bản đồ số 9, đất tại xã Thường P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 21/01/2015 cho ông S.

Tại phiên tòa ông S do ông U đại diện thay đổi yêu cầu anh T, anh Tr tháo dỡ di dời nhà và tất cả vật kiến trúc khác ra khỏi đất trả lại diện tích 136,8m^2, thửa đất số 188, tờ bản đồ số 9, đất tại xã Thường P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 21/01/2015 cho ông S, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH02040.

Bị đơn anh Tống Nhựt T trình bày:

Nguồn gốc đất của ông nội là Tống Văn H2, vào năm 1991 ông nội cất nhà bằng gỗ tạp, mái tol, vách tol, xây bó nền, chiều ngang 7m, chiều dài 10m để gia đình cùng ở. Năm 2001 ông nội không sống chung nữa vào lộ ĐT 841 cất nhà khác và cho lại căn nhà gắn liền với diện tích đất, từ khi ông nội không sống chung gia đình anh vẫn sống trên căn nhà này, năm 2005 cha Tống Thanh S và mẹ Phạm Thị P1 ly hôn gia đình anh vẫn sống trên căn nhà này, do căn nhà bị hư hỏng vào tháng 4 năm 2017 gia đình xây nhà tường trên phần đất căn nhà cũ, chiều ngang 5m, chiều dài 18m, khi cha anh ông S được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất anh không hay biết, gia đình anh trồng cây lâu năm xung quanh, trong khi gia đình anh sử dụng phần đất này.

Nay ông S do ông U đại diện yêu cầu tháo dỡ di dời nhà và tất cả vật kiến trúc khác ra khỏi đất trả lại diện tích 136,8m^2, thửa đất số 188, tờ bản đồ số 9, đất tại xã Thường P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp anh không thống nhất, yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện H cấp cho ông S.

Bị đơn anh Tống Minh Tr trình bày: Anh thống nhất theo lời trình bày của anh T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- *Bà Phạm Thị P1 trình bày:* Bà thống nhất theo lời trình bày của anh T, anh Tr.

- *Bà Nguyễn Thị Thanh I trình bày:* thống nhất theo lời trình bày của ông S.

- *Ông Tống Văn L2 trình bày:* Ông là con của ông H2, bà L, lúc cha ông còn sống căn nhà gỗ tạp, mái tol, vách tol trên phần đất tranh chấp hiện nay, chiều ngang khoảng 7m, chiều dài khoảng 10m cho bà P1, anh T, anh Tr và 1,5 công đất ruộng sử dụng, đất này không cho ông S.

- *Ông Tống Văn G (cũng là người đại diện theo ủy quyền của bà D, bà L1) trình bày:* thống nhất theo lời trình bày của ông S do ông U đại diện, toàn bộ các cây trên phần đất là của ông S, không phải của ông nên không có yêu cầu gì.

- Ủy ban nhân dân huyện H có văn bản trình bày:

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông Tống Thanh S đối với thửa đất số 188, tờ bản đồ số 9, diện tích 545m^2, đất tọa lạc tại xã Thường P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp là đúng trình tự, thủ tục về thừa kế quyền sử dụng đất.

Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông Tống Thanh S thừa kế quyền sử dụng đất từ ông Tống Văn H2 theo văn bản phân chia tài sản thừa kế được Ủy ban nhân dân xã Thường P chứng thực số 224, quyển số 01TP/CC-SCT/HĐGD ngày 03 tháng 12 năm 2014 không phát sinh tranh chấp.

Bản án sơ thẩm số 41/2018/DS-ST ngày 21/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện H tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Tống Thanh S do ông Lê Chí U đại diện.

2. Buộc anh Tống Nhựt T, anh Tống Minh Tr, bà Phạm Thị P1 phải trả giá trị cho ông Tống Thanh S 19.152.000 đồng (Mười chín triệu một trăm năm mươi hai nghìn đồng).

3. Anh Tống Nhựt T, anh Tống Minh Tr, bà Phạm Thị P1 được quyền sử dụng diện tích 136,8m^2, thuộc một phần thửa đất số 188, tờ bản đồ số 9, đất tại xã Thường P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày

21/01/2015 cho ông S, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH02040, ngày 06/6/2017 người sử dụng đất là ông Tống Thanh S và bà Nguyễn Thị Thanh I.

Vị trí như sau:

Diện tích 45m^2.

+ Hướng đông giáp ông Tống Thanh S 8,4m.

+ Hướng tây giáp ông Tống Thanh S 9,2m.

+ Hướng nam giáp lộ làng 5,2m.

+ Hướng bắc giáp nhà 5,07m.

Diện tích 91,8m^2.

+ Hướng đông giáp ông Tống Thanh S 18,1m.

+ Hướng tây giáp ông Tống Thanh S 18,1m.

+ Hướng nam giáp sân nhà 5,07m.

+ Hướng bắc giáp ông Tống Thanh S 5,07m.

(Kèm theo mảnh trích đo địa chính số 44 – 2017 hiện trạng tranh chấp của ông Tống Thanh S với ông Tống Nhựt T, ông Tống Minh Tr của Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất ngày 07 tháng 8 năm 2017).

Đương sự đến cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đối với diện tích đất mà mình được sử dụng theo quy định của pháp luật.

4. Không chấp nhận yêu cầu anh Tống Nhựt T, anh Tống Minh Tr, bà Phạm Thị P1 về việc yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông S.

5. Về án phí, chi phí tố tụng:

5.1. Về án phí:

5.1.1. Anh Tống Nhựt T, anh Tống Minh Tr, bà Phạm Thị P1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 957.600 đồng (Chín trăm năm mươi bảy nghìn sáu trăm đồng).

5.1.2. Trả lại cho ông Tống Thanh S 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 05568 ngày 21/6/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H.

5.2. Về chi phí tố tụng: Anh Tống Nhựt T, anh Tống Minh Tr, bà Phạm Thị P1 phải trả lại cho ông Tống Thanh S 2.426.000 đồng (Hai triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

6. Về nghĩa vụ thi hành án:

6.1. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/12/2018 ông Tống Thanh S là nguyên đơn và bà Nguyễn Thị Thanh I là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa phúc thẩm giải quyết buộc Tống Nhựt T, Tống Minh Tr và Phạm Thị P1 tháo dỡ di dời vật kiến trúc ra khỏi đất để trả lại phần đất tranh chấp cho ông S và bà I sử dụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông S giữ nguyên nội dung khởi kiện và nội dung kháng cáo, yêu cầu Tòa phúc thẩm xử buộc Tống Nhựt T, Tống Minh Tr và Phạm Thị P1 tháo dỡ di dời vật kiến trúc ra khỏi đất để trả lại phần đất tranh chấp cho ông S và bà I sử dụng.

Bị đơn anh Tống Nhựt T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị P1 không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông S, yêu cầu Tòa phúc thẩm xử giữ nguyên bản bán sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh I giữ nguyên nội dung kháng cáo, đồng ý với nội dung trình bày của ông S.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tống Văn G ý kiến xác định đất tranh chấp là của ông S được thừa kế và không đề cập yêu cầu gì cả.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh đã phát biểu về tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của pháp luật; về nội dung Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông S và bà I, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm

tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Quyền sử dụng đất tranh chấp có diện tích 136,8m^2, thuộc một phần thửa đất số 188, tờ bản đồ số 9, đất tại xã Thường P, huyện H, do Ủy huyện H cấp giấy ngày 21/01/2015 cho ông S (ghi chú điều chỉnh ngày 06/6/2017 tên người sử dụng đất là ông S và bà I), đất có nguồn gốc của ông Tống Văn H2 và bà Phạm Thị L (là cha mẹ ông S), ông S được nhận thừa kế từ ông H2, theo văn bản phân chia tài sản thừa kế thì ông S được chia thửa 400, diện tích 651m^2, thửa 102, diện tích: 1547m^2 và thửa 188 diện tích 545m^2 và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[2]. Trên đất tranh chấp trước đây có căn nhà ở của ông H2, có vợ chồng S, P1 và 2 con là T và Tr cùng ở chung, năm 2001 ông H1 cất nhà khác ở, để nhà này lại cho hộ S, P1, nhưng thực tế chỉ có bà P1 và 2 con ở, còn ông S đã theo ở bên nhà bà I (bên An Giang) và năm 2005 ông S khởi kiện ly hôn, theo bản án số 12/2005/DSST ngày 22/3/2005 của Tòa án huyện H xét xử vụ án ly hôn, ông S, bà P1 trình bày hai người có tài sản chung là một căn nhà gỗ lợp tol ngang 7m, dài 9m (không có nền), đều này chứng tỏ ông S và bà P1 trong thời gian chung sống chỉ ở nhờ trên đất của ông H2 không phải đất của vợ chồng S, P1, sau khi ly hôn ông S được hưởng thừa kế từ ông H2, ông S được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sau đó ông S làm thủ tục cho bà I (vợ sau) cùng đứng tên và khởi kiện tranh chấp.

[3]. Tuy nhiên, anh T, anh Tr, bà P1 đã sử dụng ở liên tục từ năm 1991, sau ly hôn năm 2005, ông H2 vẫn tiếp tục cho 2 cháu nội và con dâu ở không có ý kiến gì khác, đến nay đã xây nhà cấp 4 kiên cố ở ổn định trên diện tích 136,8m^2, không có chỗ ở nào khác và mặt khác anh T và anh Tr còn là con ruột của ông S và đất này do ông H2 là ông nội của anh T và anh Tr cho ở trước khi ông H2 chết, nên cấp sơ thẩm tuyên anh T, anh Tr và bà P1 được tiếp tục sử dụng đất là phù hợp với pháp luật và đạo đức xã hội. Lẽ ra, đất này chuyển quyền thừa kế cho ông S là không phù hợp nên không buộc phải trả tiền giá trị đất, nhưng Tòa sơ thẩm buộc trả, anh T, anh Tr và bà P1 không kháng cáo nên cấp phúc thẩm không xem xét lại. Ông S, bà I kháng cáo yêu cầu anh T, anh Tr và bà P1 di dời nhà, trả đất là không phù hợp.

[4]. Ý kiến của Kiểm sát viên đề cập nhận định và đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông S và bà I, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5]. Từ những tình tiết, nội dung nhận định trên, có đủ cơ sở kết luận bản án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu của ông S buộc anh Tống Nhựt T, anh Tống Minh Tr, bà Phạm Thị P1 phải trả giá trị cho ông Tống Thanh S 19.152.000 đồng là có căn cứ pháp luật; nguyên đơn ông S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà I kháng cáo đưa ra yêu cầu không phù hợp, nên không được chấp nhận; phải giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6]. Do kháng cáo không được chấp nhận, nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo luật định.

[7]. Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 148 và khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 166 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 100, Điều 166, Điều 203 Luật đất đai năm 2013 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Tống Thanh S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh I; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2018/DS-ST ngày 21/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

2. Chấp nhận yêu cầu của ông Tống Thanh S đối với anh Tống Nhựt T và anh Tống Minh Tr.

3. Buộc anh Tống Nhựt T, anh Tống Minh Tr, bà Phạm Thị P1 phải trả giá trị quyền sử dụng đất tranh chấp cho ông Tống Thanh S 19.152.000 đồng (Mười chín triệu một trăm năm mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi cho bên được thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

4. Anh Tống Nhựt T, anh Tống Minh Tr, bà Phạm Thị P1 được công nhận

quyền sử dụng đất diện tích 136,8m^2, loại đất ở tại nông thôn thuộc một phần thửa đất số 188, tờ bản đồ số 9, đất tại xã Thường P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, do Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH02040 ngày 21/01/2015 cho ông S và ngày 06/6/2017 ghi chú điều chỉnh thay đổi tại phần IV của giấy về người sử dụng đất là ông Tống Thanh S và bà Nguyễn Thị Thanh I.

Vị trí, số đo các cận, hình thể phần đất 136,8m^2 này (trong đó gồm 45m^2 thuộc sân và 91,8m^2 gắn liền nhà ở) được căn cứ theo mảnh trích đo địa chính số 44 – 2017 hiện trạng tranh chấp của ông Tống Thanh S với ông Tống Nhựt T, ông Tống Minh Tr của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H ngày 07 tháng 8 năm 2017 kèm theo bản án. Cụ thể:

Phần diện tích 45m^2.

+ Hướng Đông giáp ông Tống Thanh S 8,4m.

+ Hướng Tây giáp ông Tống Thanh S 9,2m.

+ Hướng Nam giáp lộ làng 5,2m.

+ Hướng Bắc giáp nhà 5,07m.

Phần diện tích 91,8m^2.

+ Hướng Đông giáp ông Tống Thanh S 18,1m.

+ Hướng Tây giáp ông Tống Thanh S 18,1m.

+ Hướng Nam giáp sân nhà 5,07m.

+ Hướng Bắc giáp ông Tống Thanh S 5,07m.

5. Không chấp nhận yêu cầu anh Tống Nhựt T, anh Tống Minh Tr, bà Phạm Thị P1 về việc yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông S.

Các bên đương sự đến cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, điều chỉnh diện tích đất đối với diện tích đất mà mình được sử dụng như Bản án đã tuyên theo quy định của pháp luật.

Ủy ban nhân dân huyện H thực hiện việc cấp giấy, điều chỉnh cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đương sự theo quy định pháp luật.

6. Về án phí dân sự:

+ Anh Tống Nhựt T, anh Tống Minh Tr, bà Phạm Thị P1 phải nộp 957.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Tống Thanh S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, ông S phải nộp 300.000đ án phí dân phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.000.000 đồng ngày 21/6/2017 theo biên lai số 05568 và 300.000đ nộp ngày 03/12/2018 theo biên lai thu số 0004088 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, ông S còn được nhận số tiền là 3.000.000đ.

+ Bà Nguyễn Thị Thanh I phải nộp 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ ngày 03/12/2018 theo biên lai thu số 0004089 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H (bà I đã nộp xong).

7. Về chi phí tố tụng: Chi phí về thẩm định, đo đạc và định giá, anh Tống Nhựt T, anh Tống Minh Tr, bà Phạm Thị P1 phải cùng chịu và liên đới nộp trả lại cho ông Tống Thanh S 2.426.000 đồng.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Phòng KTNV-THA TAND Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Phương